

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/HSST
Ngày 28/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khoàng Văn Hặc

2. Ông Hạng Sáy Dua

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phìn Đại Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện MC, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 46/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân huyện MC số: 47/2019/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Chở Thị L (tên gọi khác: không), sinh năm 1966, tại huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản PC, xã SL, huyện MC, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Chở Nhè T (đã chết) và bà Giàng Thị T, sinh năm: 1948; CHng: Vàng A S, sinh năm 1958; bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/7/2019, tạm giam ngày 26/7/2019. Có mặt

2. Vàng A H (tên gọi khác: không) sinh năm 1974, tại huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản HQ1, xã MTH, huyện MC, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Trùng L (đã chết) và bà Sùng Thị M, sinh năm: 1928; Vợ: Lý Thị C, sinh năm 1975; bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân

thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2019, tạm giam ngày 26/7/2019. Có mặt

3. Thào A D (tên gọi khác: Thào Dũng D) sinh năm 1976, tại huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản HT2, xã HL, huyện MC, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào Phái L, sinh năm 1930 và bà Giàng Thị X, sinh năm: 1933; Vợ: Giàng Thị K, sinh năm 1980; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/7/2019, tạm giam ngày 26/7/2019. Có mặt

Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Vàng A S - Sinh năm 1959, trú tại: Bản PC, xã SL, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Có mặt

2. Giàng Thị K - Sinh năm 1980, trú tại: Bản HT2, xã HL, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Vàng A H, Chớ Thị L: ông Phùng Việt H. Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người phiên dịch: bà Vàng Thị D - trú tại: tổ 14, thị trấn MC, huyện MC. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 20/7/2019, Chớ Thị L gọi điện thoại cho Thào A D để nhờ D mua ma túy giúp nhưng D không biết chỗ mua nên D giới thiệu cho L một người bạn tên Vàng A H ở bản HQ1, xã MTH sẽ mua giúp được. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, D điều khiển xe máy BKS 27Z1- 072.94 đến nhà L, bảo L có muốn đi mua ma túy thì D đưa đi, L nói D cứ đi trước còn L sẽ xuống sau. Khoảng 16 giờ, L điều khiển xe máy BKS 27V1- 072.70 chở theo chồng là Vàng A S đi vào bản HQ1, xã MTH để chữa bệnh cho S, đồng thời cũng để L nhờ người đi mua ma túy. Khi L đi đến đầu bản HQ, L gọi điện thoại cho D để hỏi D đưa vào nhà H khi L và chồng đang đứng ở đường thì D đến và chỉ đường cho L vào nhà H trước còn D vào sau. Khi đến nhà H thì D và L nhờ H đi mua ma túy giúp L, L nói với H mua ma túy giúp L thì L sẽ trả công. L, D, H đã thỏa thuận, L đưa cho H 2.500.000 đồng để H đi mua ma túy, trong đó 2.000.000 đồng mua ma túy cho L còn 500.000 đồng là mua ma túy để H và D chia nhau (trả công cho H và D) D ở lại nhà H còn L đưa chồng đến nhà Thào Cháng D để chữa bệnh sau đó thì quay về nhà H ngủ. H cầm tiền đi lên khu vực lán nương thuộc bản HQ, xã MTH giáp biên giới Việt - Lào gặp một người đàn ông không rõ lai lịch, qua trao đổi H mua của người này 2.500.000 đồng được 01 gói heroine được gói bên ngoài bằng mảnh nilon màu trắng, H mở ra kiểm tra bên trong có 02 gói (01 gói to, 01 gói nhỏ). H gói lại và cầm gói ma túy rồi đi bộ về. Khoảng 3 giờ ngày 21/7/2019 H về đến

nhà, khi này D, L, S đều đang ngủ. H gọi L và D dậy H đưa gói ma túy mua được cho D, D mở ra kiểm tra thì H nói gói to mua hết 2.000.000 đồng, gói nhỏ mua hết 500.000 đồng. Như thỏa thuận ban đầu, D đưa gói to cho L. Sau khi nhận được ma túy, L gọi chồng dậy để đi về nhà. Còn D lấy con dao chia gói ma túy còn lại thành 02 phần, D đưa cho H một phần. Phần ma túy của D thì D lấy thêm 06 mảnh nilon màu hồng gói ra bên ngoài. Đối với phần ma túy của H thì H đã sử dụng hết.

Đến 4 giờ 45 phút ngày 21/7/2019 khi vợ chồng L đi đến khu vực bản HC2, xã MTH, huyện MC thì bị tổ công tác Đoàn biên phòng yêu cầu dừng xe kiểm tra, L đã rút gói ma túy mà L cầm trên tay xuống đất, tổ công tác đã yêu cầu L nhặt lên kiểm tra, L thừa nhận đó là gói ma túy của L. Tổ công tác đã mời người chứng kiến, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 01 gói heroine có khối lượng 7,808 gam. Mục đích L mua ma túy để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời.

Sau khi chia ma túy với H xong thì D điều khiển xe máy đi về. Đến 5 giờ ngày 21/7/2019 khi đi đến khu vực bản HC 2, xã MTH, huyện MC thì bị tổ công tác Đoàn biên phòng yêu cầu dừng xe kiểm tra, vì sợ nên cả người và xe của D ngã xuống đường, trong lúc ngã gói ma túy mà D để trong túi áo bên trái mà D đang mặc bị rơi xuống đất, tổ công tác đã yêu cầu D nhặt lên kiểm tra D thừa nhận đó là gói ma túy của D. Tổ công tác đã mời người chứng kiến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 01 gói heroine có khối lượng 0,735 gam. Mục đích D cất giấu ma túy để sử dụng cho bản thân.

Tại bản Kết luận giám định số: 803/GĐ-PC09, ngày 30/7/2019, 804/GĐ-PC09, ngày 31/7/2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: “mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Chó Thị L gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine, khối lượng vật chứng thu giữ của Chó thị L là 7,808 gam”. “mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Thào A D gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine, khối lượng vật chứng thu giữ của Thào A D là 0,735 gam.

Tại Bản Cáo trạng số: 45/CT-VKS-MC ngày 07/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Chó Thị L, Thào A D, Vàng A H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Chó Thị L 08 năm đến 8 năm 6 tháng tù. Xử phạt bị cáo Vàng A H từ 7 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù. Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Thào A D từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy 8,351 gam Heroine còn lại sau khi trừ mẫu giám định; 01

con dao đã qua sử dụng, 01 giấy bảo hiểm xe máy đã qua sử dụng. 02 chiếc ví đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại D động kèm thẻ sim.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy và trả cho bà Giàng Thị K (vợ của Thào A D) $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe AIR BLADE biển kiểm soát 27Z1- 07294.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy và trả cho ông Vàng A S (chồng của Chớ Thị L) $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Wave α BKS 27V1 - 072.70

+ Tiếp tục tạm giữ 01 đăng ký xe mang Chớ Thị L để đảm bảo thi hành án.

+ Trả bị cáo Chớ Thị L số tiền 90.000 đồng, 01 CMND, 01 giấy phép lái xe mang tên Chớ Thị L, trả bị cáo Thào A D 01 chứng minh nhân dân

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; miễn án phí hình sự 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng các bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí hình sự sơ thẩm, miễn hình phạt bổ sung.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có ý kiến: Ông Vàng A S và bà Giàng Thị K giữ nguyên lời khai như trong giai đoạn điều tra, tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy để làm phương tiện đi lại trong gia đình.

Người bào chữa cho các bị cáo Chớ Thị L, Vàng A H không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện MC đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo L, H là người dân tộc, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn; không được đi học nên trình độ và nhận thức có phần hạn chế, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, các bị cáo đều có nhân thân tốt nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS xử phạt các bị cáo ở mức án thấp nhất do Viện kiểm sát đề nghị để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội và xem xét miễn án phí và hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Tại phiên tòa, các bị cáo Chớ Thị L, Thào A D, Vàng A H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. HĐXX thấy rằng lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và Biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng, biên bản nhận dạng và kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong H sơ vụ án được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MC, tỉnh Điện Biên thu thập trong quá trình điều tra. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử xác định hành vi của các bị cáo như sau: Chớ Thị L, Vàng A H, Thào A D đều là người nghiện ma túy để có ma túy sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời Chớ Thị L đã nhờ Thào A D và Vàng A H đi mua

ma túy giúp và thỏa thuận L đưa cho H 2.500.000 đồng để H mua ma túy, trong đó 2000.000 đồng mua ma túy cho L, 500.000 đồng là mua ma túy để H và D chia nhau. Bị cáo Vàng A H đã mua giúp bị cáo Chớ Thị L 8,543 gam heroine tương đương với số tiền 2.500.000 đồng. H và D được L trả công 0,735 gam heroine tương đương số tiền 500.000 đồng. Thào A D, Vàng A H đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho Chớ Thị L trong việc mua bán trái phép chất ma túy, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng chất ma túy bị thu giữ là 8,543 gam

HĐXX thấy rằng hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do pháp luật quy định. Hành vi mua bán 8,543 gam Heroine của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251/BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện MC truy tố và kết luận các bị cáo phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251/BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, sai. Về tội danh và khung hình phạt người bào chữa cho bị cáo Chớ Thị L, Vàng A H đồng thuận và không tranh luận với kết luận của đại Dện Viện kiểm sát.

2. Xét về tính chất của vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình hình tội phạm ma túy ngày càng Dễn biến phức tạp, mặc dù cơ quan pháp luật đã truy quét và xử L nghiêm minh đối với các loại tội phạm này. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận các bị cáo biết việc Nhà nước cấm tất cả các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe và kinh tế của người sử dụng, nhưng để có tiền nhằm thỏa mãn nhu cầu nghiện ma túy và hám lời các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để bán kiếm lời và để có ma túy sử dụng, hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất rất nghiêm trọng đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện MC và góp phần làm cho ma túy tồn tại và phát triển. Xâm phạm đến chính sách độc quyền quản L các chất ma túy của nhà nước. Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo Chớ Thị L, Vàng A H, Thào A D phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy đã thu giữ của Chớ Thị L và Thào A D (7,808 gam heroine + 0,735 gam heroine = 8,543 gam). Tuy nhiên, căn cứ vào vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với từng người, trong đó Chớ Thị L giữ vai trò chính vì nguồn gốc số tiền dùng để mua ma túy là của L, vai trò của H và D là người giúp sức cho L, trong đó H có vai trò tích cực là người trực tiếp đi mua ma túy, còn D là người dẫn đường cho L đến nhờ H. Do vậy hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 17, Điều 58/BLHS khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử L vi phạm hành chính nhưng đều là người nghiện ma túy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi

phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân. Bởi vậy hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thông qua đó thể hiện chính sách khoan hồng, giảm nhẹ của pháp luật đối với người phạm tội. Riêng bị cáo Thào A D được áp dụng khoản 2 Điều 51/BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt vì có bác ruột là ông Thào A M được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án (biên bản xác minh thu nhập, tài sản) và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Chớ Thị L, Vàng A H không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập từ làm ruộng, nương, không có nguồn thu nhập nào khác, các bị cáo đều có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Chớ Thị L, Vàng A H đề nghị HĐXX áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS và xem các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo. HĐXX thấy rằng đề nghị của người bào chữa là có căn cứ nên cần chấp nhận một phần để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

3. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện MC, tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện MC; trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng với quy định của pháp luật.

4. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- 8,351 gam Heroine còn lại sau khi trừ mẫu giám định là vật cấm tàng trữ lưu hành cần tịch thu tiêu hủy; Một số vật chứng là 01 con dao, 01 giấy bảo hiểm xe máy hết hạn sử dụng, mảnh nilon là công cụ phương tiện phạm tội và 02 chiếc ví, phòng bì niêm phong không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại D động kèm thẻ sim là công cụ, phương tiện phạm tội. Đối với 02 chiếc xe máy các bị cáo Chớ Thị L, Thào A D sử dụng làm phương tiện phạm tội nhưng đây là tài sản chung vợ chồng của các bị cáo, khi sử dụng chồng của bị cáo L và vợ bị cáo D đều không biết việc các bị cáo sử dụng đi mua ma túy nên cần thu ½ giá trị chiếc xe AIR BLADE biển kiểm soát 27Z1- 07294; ½ chiếc xe Wave α BKS 27V1 - 072.70 sung ngân sách nhà nước. Phần còn lại cần trả lại cho chủ sở hữu chung là những người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vàng A S và chị Giàng Thị K.

- Trả bị cáo Chớ Thị L số tiền 90.000 đồng, 01 CMTND, 01 giấy phép lái xe mang tên Chớ Thị L, trả bị cáo Thào A D 01 chứng minh nhân dân do không liên quan đến việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ 01 đăng ký xe mang Chớ Thị L để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Chớ Thị L, Vàng A H, Thào A D do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Vàng A H do H không biết rõ họ tên, địa chỉ của người này nên không có cơ sở để điều tra làm rõ. HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Chớ Thị L, Vàng A H, Thào A D (Thào Dũng D) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Chớ Thị L 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ (21/7/2019).

Xử phạt bị cáo Vàng A H 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ (23/7/2019).

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Thào A D (Thào Dũng D) 07 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ (21/7/2019).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 8,351 gam Heroine còn lại sau khi trừ mẫu giám định; 01 con dao dài 33 cm; bản rộng 10cm đã qua sử dụng; 01 giấy bảo hiểm xe máy hết hạn sử dụng mang tên Chớ Thị L; 01 chiếc ví vải màu đen đã qua sử dụng; 01 ví màu xanh đã qua sử dụng. 08 mảnh ni lông màu hồng, 01 mảnh ni lông màu trắng, 02 phong bì niêm phong ban đầu.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại D động hiệu KeChaoDa kèm theo 01 sim viettel, 01 sim vinaphone đã qua sử dụng; 01 điện thoại viettel màu đen kèm sim viettel đã qua sử dụng; 1/2 giá trị chiếc xe AIR BLADE biển kiểm soát 27Z1- 07294 số máy JF46E4168919, số khung 4609DY297642 đã qua sử dụng; 1/2 giá trị chiếc xe Wave α BKS 27V1 - 072.70 số máy HC09E-0652849, số khung RIHHC09018Y652533 đã qua sử dụng.

- Trả bị cáo Chớ Thị L số tiền 90.000 VND đồng, 01 CMND mang tên Chớ

Thị L, 01 giấy phép lái xe mang tên Chó Thị L

- Trả bị cáo Thào A D 01 chứng minh nhân dân mang tên Thào A D

- Trả ông Vàng A S- Sinh năm 1959, trú tại: Bản PC, xã SL, huyện MC, tỉnh Điện Biên (chồng bị cáo Chó Thị L) ½ giá trị chiếc xe Wave α BKS 27V1 - 072.70 số máy HC09E-0652849, số khung RIHHC09018Y652533 đã qua sử dụng.

- Trả chị Giàng Thị K - Sinh năm 1980, trú tại: Bản HT2, xã HL, huyện MC, tỉnh Điện Biên (vợ bị cáo Thào A D) ½ giá trị chiếc xe AIR BLADE biển kiểm soát 27Z1- 07294 số máy JF46E4168919, số khung 4609DY297642 đã qua sử dụng.

- Tiếp tục tạm giữ 01 đăng ký xe mang Chó Thị L để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện MC và Chi cục Thi hành án dân sự huyện MC, tỉnh Điện Biên ngày 08/11/2019).

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với Chó Thị L, Vàng A H, Thào A D.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các Chó Thị L, Vàng A H, Thào A D có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2019).

Nơi nhận:

- VKSND huyện MC
- Nhà tạm giữ CA huyện MC
- Cơ quan THAHS huyện MC
- Cơ quan CSĐT Công an huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Những người CQLNVLQ;
- Phòng GDKT TA tỉnh DB;
- VKS tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên;
- UBND xã (Sa Lông, Ma Thì H, Huổi Lèng);
- Lưu H sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Hưng